

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E504

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 17/08/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	Đỗ Trung	An	16/2/1999			
2	TA0002	Trần Văn	An	16/6/2000			
3	TA0003	Trần Văn	An	11/12/2000			
4	TA0004	Cần Thuỳ	Anh	22/11/2000			
5	TA0005	Đoàn Thị Vân	Anh	21/8/2000			
6	TA0006	Lâm Đức	Anh	15/9/2000			
7	TA0007	Lê Đức	Anh	25/1/2000			
8	TA0008	Lê Thị Vân	Anh	9/10/2000			
9	TA0009	Ngô Hải	Anh	10/9/2000			
10	TA0010	Nguyễn Bá Việt	Anh	14/10/2000			
11	TA0011	Nguyễn Đắc Hoàng	Anh	12/2/2000			
12	TA0012	Nguyễn Minh	Anh	3/6/2000			
13	TA0013	Nguyễn Quỳnh	Anh	20/11/2000			
14	TA0014	Nguyễn Thị Kim	Anh	22/10/2000			
15	TA0015	Nguyễn Thị Lan	Anh	17/9/2000			
16	TA0016	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/11/1999			
17	TA0017	Nguyễn Tiến	Anh	30/8/2000			
18	TA0018	Nguyễn Tuấn	Anh	19/08/2000			
19	TA0019	Phùng Đức	Anh	13/3/1998			
20	TA0020	Trần Ngọc	Anh	4/1/1999			
21	TA0021	Trần Tuấn	Anh	3/8/2001			
22	TA0022	Nguyễn Thị	Ánh	25/4/1999			
23	TA0023	Phạm Cao	Bắc	16/9/2000			
24	TA0024	Đỗ Ngọc	Bảo	15/5/2000			
25	TA0025	Nguyễn Thị	Bích	4/12/2000			
26	TA0026	Vũ Minh	Chiến	9/9/1999			
27	TA0027	Phạm Minh	Chiêu	21/10/1999			
28	TA0028	Phạm Thị Mai	Chinh	29/6/2000			
29	TA0029	Đinh Quang	Chính	13/12/2000			
30	TA0030	Dương Chí	Công	17/4/1983			
31	TA0031	Đỗ Mạnh	Cường	18/12/1998			
32	TA0032	Nguyễn Việt Hải	Đăng	20/11/1999			
33	TA0033	Nguyễn Tất	Đạt	17/3/1999			
34	TA0034	Vũ Đức	Đạt	8/9/2000			
35	TA0035	Hồ Sỹ	Định	16/6/1998			
36	TA0036	Lê Tiến	Đoàn	16/10/2000			
37	TA0037	Nguyễn Văn	Đoàn	3/3/1999			
38	TA0038	Đặng Tiến	Đông	01/09/2000			

39	TA0039	Lê Trung	Đông	8/11/1999			
40	TA0040	Nguyễn Thành	Dư	07/02/2000			
41	TA0041	Đàm Trung	Đức	28/6/1999			
42	TA0042	Đặng Trần	Đức	14/9/1999			
43	TA0043	Hoàng Trọng	Dũng	11/11/2000			
44	TA0044	Nguyễn Việt	Dũng	19/1/2001			
45	TA0045	Vũ Tiến	Dũng	17/8/2000			
46	TA0046	Đinh Quang	Dương	20/8/1999			
47	TA0047	Đoàn Hải	Dương	29/1/1999			
48	TA0048	Hoàng Đại	Dương	2/11/2001			
49	TA0049	Lê Ngọc	Dương	25/4/2000			
50	TA0050	Lưu Thùy	Dương	3/12/2000			
51	TA0051	Trần Đình	Dương	20/10/2000			
52	TA0052	Đặng Văn	Duy	13/8/1999			
53	TA0053	Trần Đăng	Duy	22/9/2000			
54	TA0054	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	20/9/2000			
55	TA0055	Nguyễn Đăng	Giang	31/8/2000			
56	TA0056	Phan Thị Hương	Giang	28/9/2000			
57	TA0057	Vũ Trường	Giang	1/1/2000			
58	TA0058	Trần Thái	Hà	11/7/1980			
59	TA0059	Nông Thanh	Hải	19/10/1999			
60	TA0060	Tạ Trọng	Hải	06/07/2000			
61	TA0061	Ngô Thị Thúy	Hằng	10/5/2000			
62	TA0062	Đặng Thị	Hằng	4/3/2000			
63	TA0063	Đào Lý	Hằng	21/9/2000			
64	TA0064	Nguyễn Thị	Hằng	13/11/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)